

## CUỘC HÀNH HƯƠNG ĐẾN XỨ SỞ CHÙA VÀNG

GS. TS. PHẠM ĐỨC DƯƠNG - THS. PHẠM THANH TỊNH

C húng tôi được biết Phật giáo Myanmar rất quan trọng đối với khu vực. Sau khi Đức Phật nhập tịch đã diễn ra cuộc kiết tập lần thứ nhất và trong giáo đoàn đã có nhiều ý kiến khác nhau tập trung giữa "khổ hạnh và khoan dung". Cuộc kiết tập lần thứ hai diễn ra sau đó 100 năm dẫn đến sự phân chia Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ. 100 năm sau, cuộc kiết tập lần thứ ba theo sáng kiến của vua A Dục (Asoka), đạo Phật được truyền vào Srilanka và vùng "đất vàng", trước hết là Myanmar. Thế kỷ V cả Đại thừa và Tiểu thừa đều được phổ biến. Phật giáo Đại thừa được lý giải là "cỗ xe lớn". Trong tiếng Phạn, Maha là đại, Yana có nghĩa gốc là "con đường", "sự nghiệp". Đại thừa (Mahayana) tự coi mình là rộng lớn nên gọi các bộ phận khác là Tiểu thừa. Tiểu thừa coi Thích Ca Mâu Ni là người thầy dẫn đường - một vĩ nhân của lịch sử. Còn Đại thừa đã thần thánh hóa Phật và đưa ra khái niệm Bồ Tát là người trợ giúp chúng sinh. Do đó Tiểu thừa lấy "độc thiện kỳ thân", Đại thừa lấy "phổ độ chúng sinh" làm mục đích tu hành. Phật giáo Myanmar có quan hệ trực tiếp với Ấn Độ và Srilanka. Vào các thế kỷ XII - XVI, Phật giáo Myanmar tái nhập Phật giáo Tiểu thừa vào Srilanka. Cũng tại Myanmar đã diễn ra hai lần kiết tập (thứ V và thứ VI), chùa tháp được xây dựng nhiều, chủ yếu là Phật giáo Tiểu thừa.

Đến Myanmar, ấn tượng đầu tiên đối với chúng tôi là một đất nước thanh bình vì chưa bị ngọn cuồng phong của phát triển làm biến đổi. Trên đường phố Yangoon không có xe máy, xe đạp; không có vỉa hè buôn bán ồn ào mà chỉ là những ngôi vườn lớn nhỏ nối tiếp nhau, cây cối um tùm, trong đó nổi lên những biệt thự, những

ngôi nhà xinh xắn. Những đàn quạ, sáo, bồ câu... sáng sủa sà xuống đường phố kiếm ăn, gọi nhau inh ỏi. Đàn ông, đàn bà đều mặc váy, ăn trầu, hút thuốc, uống rượu thối nốt như một thứ nước giải khát, không thích ăn cay, uống rượu mạnh. Phụ nữ đi ra đường chỉ dùng bột Tana-ki màu trắng làm phấn bôi mặt cho mát da, chống nắng, đầu cài hoa và luôn nở những nụ cười thân thiện! Người dân Myanmar sống hồn nhiên, đôn hậu và đăm bạc để giành tiền bạc cúng vào chùa. Có lẽ vì thế mà E. F. Schumacher - một nhà kinh tế học nổi tiếng thế giới, trong cuốn "Nhỏ là đẹp" (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995) đã ca ngợi kinh tế Phật giáo không phải là vấn đề lựa chọn giữa "tăng trưởng hiện đại" với "tri trệ truyền thống", mà là đi tìm con đường phát triển đúng đắn. Schumacher đã phát hiện ra nhân sinh quan lành mạnh của các Phật tử, ông viết: "Tín đồ Phật giáo coi bản chất văn minh không nằm trong việc tăng mãi các dục vọng, mà trong việc làm cho tính cách con người càng trở nên thuần khiết. Đồng thời, tính cách được hình thành trong phẩm giá và quyền tự do của mỗi con người được tôn trọng... Do đó, then chốt của kinh tế Phật giáo là sự hợp lý hoàn toàn của mô hình lối sống: những phương tiện nhỏ bé đến ngạc nhiên sẽ dẫn đến những kết quả mỹ mãn phi thường... Như vậy, kinh tế Phật giáo tìm cách thỏa mãn tối đa con người bằng mô hình tối ưu, còn kinh tế học hiện đại cố gắng cực đoan hóa tiêu dùng bằng tối ưu hóa sản xuất".

Chúng tôi đã đi thăm các chùa ở huyện Bago (Bago division) cách Yangoon không xa. Chùa Swe mawdaw Bago - một ngôi tháp được tôn cao, mô phỏng ngọn núi thiêng Me'ru rất

hoành tráng gây ấn tượng từ xa, người ta gọi là stupa (tháp). Đối với người dân thường, stupa là núi hoa có đỉnh vàng như núi Pôpa linh thiêng màu nhiệm; còn đối với các nhà sư thì đó là biểu trưng cho năng lượng và sức mạnh của ngọn lửa thiền định! Thân tháp hình chuông, chia thành các vành đai (bao giờ cũng là số lẻ) và chóp có hình củ hành (người Myanmar gọi là bắp chuối). Đỉnh kết thúc bằng chiếc lọng ô nhiều tầng (hti). Hti là biểu trưng cho sự giàu có nên người ta thường gắn kim cương, đá quý, vàng bạc... Cả ngọn tháp màu vàng rực rỡ nổi bật trên nền xanh của cây cối, của da trời. Tháp có 4 cổng mở ra 4 hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc. Xung quanh là các am nhỏ thờ Nát (Nát là thể hiện các vị thần - thần tự nhiên theo tín ngưỡng thờ thần linh dân gian), thờ Phật có trang trí những bàn thờ để Phật tử thắp nến và dâng hoa. Theo tục lệ của người Myanmar, người ta đến cầu phúc cho con cái, cứ một tuổi là một lần dội nước lên đầu tượng Phật; có cả gia đình, bố, mẹ, con cái ngồi sụp lạy Phật để cầu phúc. Chúng tôi đến thăm những pho tượng quý bằng ngọc, bằng vàng để trong phòng có song sắt bao bọc. Tượng Phật ở Myanmar thường có 3 tư thế: tư thế đứng: tay phải dơ lên bắt quyết trấn an, tay trái buông xuôi hơi chụm lại để ban phước; tư thế ngồi: hai chân vắt lên nhau, bàn tay trái đặt ngửa trên đùi, tay phải buông xuôi ngón tay chạm đất. Tư thế này thể hiện khi Phật giác ngộ đã gọi thần đất lên làm chứng cho sự thức tỉnh của mình; tư thế nằm khi Phật nhập Niết bàn: nằm nghiêng về phía bên phải, đầu dựa lên cánh tay phải. Người Myanmar tin rằng, những tượng Phật có giá trị phải là những tác phẩm sao chép đúng hình mẫu xưa. Do đó, tượng Phật đều làm theo một mô thức giống nhau.

Chúng tôi đến thăm những tượng ngoài trời, chủ yếu dùng kích thước lớn để miêu tả làm nổi bật bức tượng trong khung cảnh thiên nhiên rộng lớn. Đó là tháp tượng ngồi có tên gọi là "Kyaik Pun". 4 vị Phật ngồi chụm nhau vào một trụ vuông khổng lồ ở giữa, mỗi vị ngoảnh mặt ra một hướng, cao 20m theo hình tháp. Tượng được sơn màu vàng tươi, khuôn mặt dễ coi, tóc lông mày và mắt đen, môi sơn đỏ, tay, chân sơn trắng, móng tay sơn đỏ. Tượng mặc áo để trần một vai. Cũng có 4 cổng, xung quanh là các am

thờ Nát, thờ Phật. Tiếp đó, chúng tôi đến thăm tượng Phật nằm ngoài trời. Tượng nằm trải dài, nghiêng về phía phải. Cạnh đầu là những hộp đựng kinh được trang trí bằng những hoa văn rất đẹp. Trước tượng Phật nằm, các họa sĩ đã vẽ các bức tranh Phật thoại rất lớn. Tất cả đều, được trang trí màu sắc rực rỡ. Các gia đình Phật tử từng nhóm, tụm năm, tụm ba ăn cơm trưa, chuyện trò rất vui vẻ. Các cháu bé chạy tung tăng vui đùa trong sân chùa. Ở đây, cuộc sống của người dân gắn bó với ngôi chùa từ lúc lọt lòng cho đến lúc từ già cuộc đời. Ngoài lao động kiếm sống, người ta đến chùa (đi tu, đi học, chữa bệnh,...) và làm được bao nhiêu lại cúng dường như để bù trừ cho kiếp sau và dạy cho con cái từ bé theo nếp sống của nhà Phật. Vì thế, các chùa ở Myanmar ngày càng được xây dựng to hơn, đẹp hơn và giàu có hơn, trong khi đó cuộc sống thường nhật của người dân thì rất thấp, nhưng người ta vẫn thấy hài lòng.

Chúng tôi đến thăm chùa Vàng (Swe Dagon) ở Yangoon. Vào lúc 6 giờ sáng để đi vào cửa phía Đông, nắng ban mai sẽ chiếu thẳng vào tháp. Tất cả đều bỏ dép đi chân đất. Vì còn sớm thang máy chưa làm việc, chúng tôi đi bộ và đếm được 128 bậc. Tiếng Myanmar "Swe" có nghĩa là "vàng", là "tuyệt đẹp". Còn "Dagon" là tên một làng chài, dùng để gọi tên chùa. Theo truyền thuyết thì chùa Swe Dagon được xây dựng cách đây 2500 năm. Nhưng theo cứ liệu của các nhà khoa học thì chùa Swe Dagon được xây dựng vào thế kỷ XIV và trải qua nhiều lần tu sửa, làm cho chùa Vàng ngày càng được mở rộng và nâng cao. Năm 1774, vua Ave nâng ngôi tháp lên cao 99m so với mặt nền. Ngoài phần thân tháp được phủ kín bằng 9.300 lá vàng, phần đỉnh của tháp (gọi là Hti) cao 10m gồm 7 vành đai bằng vàng. Đỉnh chóp là quả cầu vàng, cây cờ gió cũng bằng vàng. Theo số liệu đã công bố thì đỉnh tháp được khảm 5.448 viên kim cương to nhỏ, 1065 chuông vàng và 421 chuông bạc. Ngày nay khách tham quan có thể dùng kính viễn vọng để nhìn thấy những đường nét điêu khắc và những viên kim cương trên quả cầu. Quanh tháp chính người ta xây dựng một vành đai gồm 72 điện thờ lớn nhỏ, với đủ kiểu loại tháp và màu sắc sặc sỡ. Có tháp lớn gồm những bức tranh vẽ Phật thoại. Lúc đầu, khi mới xây dựng,

người ta làm điện thờ 37 vị Nát. Đạo Phật muốn được người dân Myanmar tiếp nhận phải cày lên tín ngưỡng thờ thần linh địa phương. Khi xây dựng chùa Swe Dagon, vua Anorata đã cho xây 37 miếu thờ Nát xung quanh tháp lớn. Ông nói: "Người ta sẽ chẳng tới đây vì tôn giáo mới (Phật giáo). Hãy cứ để họ tới vì những vị thần cổ xưa của họ đã, rồi dần dần họ mới cuốn hút theo đạo Phật được". Do đó, Nát luôn luôn là chủ đề thường gặp trong các đền, chùa ở Myanmar.

Chùa có 4 cổng lớn theo bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc. Mỗi cửa có một kiến trúc trang trí khác nhau, trong có tượng Phật. Ngoài trời cũng có nơi đốt nến để Phật tử dâng hoa. Có một hệ thống tượng Phật, có các âu nước đặt cạnh để các Phật tử dội lên đầu Phật cầu mong cho sức khoẻ con cái. Cạnh các chỗ cúng bái, nhà chùa để những hộp công đức cho Phật tử bỏ tiền cúng dường. Không khí rất linh thiêng nhưng cũng rất gần gũi. Các vị sư chọn cho mình chỗ ngồi nghiêm trang, có lúc vào hẳn trong am để tụng kinh. Các bà già, các cô gái ngồi thiền, mở sách đọc kinh. Người ta mua những bó lá, bó hoa, dây hoa để dâng lên Phật. Tạm biệt chùa Vàng, chúng tôi đến một cửa hàng gần đấy mua một bức tượng Phật bằng gỗ sơn son thiếp vàng để về thờ và kỷ niệm chuyến đi đầy lý thú.

Và, chúng tôi càng bị cuốn hút vào nghịch lý của thời đại - nỗi lo không phải chỉ của riêng ai. Đó là: khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, đời sống vật chất ngày càng hiện đại thì những vấn nạn xã hội ngày càng gia tăng, đạo đức của con người ngày càng xuống cấp. Ở đây có mối quan hệ rất phức tạp giữa truyền thống và hiện đại. Đúng là hiện đại hóa làm cho nhiều mặt của đời sống truyền thống bị biến mất và làm cho chúng ta ai cũng luyến tiếc cuộc sống yên bình ngày xưa, nhưng đồng thời nó cũng mở ra nhiều cơ hội và tạo nên những tiến bộ cho toàn xã hội. Tất cả các nước trên hành tinh, dù nhanh hay chậm, đều không tránh khỏi. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để giữ được những truyền thống tốt đẹp trong khi đi vào hiện đại hoá một cách bền vững, an sinh? Biết bao kịch bản đã được dựng lên. Chúng tôi rất tâm đắc với những phát hiện của A. Toffler về lợi thế quan trọng và có nhiều triển vọng nhất đối với

các nước đang phát triển là: sự xuất hiện mới trùng hợp lạ lùng giữa các xã hội - đợt sóng thứ nhất (văn minh nông nghiệp) với nền văn minh của đợt sóng thứ ba (văn minh hậu công nghiệp), đó là: sản xuất phân tán theo quy mô thích hợp; năng lượng đổi mới; giải đô thị hóa; làm việc tại nhà; trình độ cao về tiêu dùng. Đây là sự trở về biện chứng, lịch sử dường như lặp lại. Điều đó tạo cơ hội hoàn toàn mới cho các nước nghèo kết hợp giữa quá khứ với tương lai trong một hiện tại mới tốt đẹp. Người ta có thể phác họa một chiến lược phát triển dựa vào:

1) Công nghiệp nông thôn, ít vốn, hướng về làng mạc.

2) Công nghệ cao được lựa chọn cẩn thận để tạo nên sự cân bằng mới giữa khoa học công nghệ tiên tiến với những đồng cỏ, những làng mạc đầy thơ mộng... một sự thay đổi ít đau khổ hơn.

Đó chính là lợi thế của người đi sau mà chúng ta cần khai thác triệt để. Ngành bảo vệ các di sản văn hóa sẽ có những đóng góp của mình vào chiến lược phát triển đó./.

P.D.D - P.T.T

#### **Chú thích:**

1- Trong bài viết này chúng tôi có sử dụng tư liệu trong cuốn "Ở xứ chùa Vàng" của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1988. Nhân đây chúng tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn đối với tập thể tác giả.

2- Câu chuyện về "đôi giầy" là một cuộc đấu tranh chống đế quốc Anh. Người Anh coi khinh văn hóa Myanmar và tỏ thái độ trịch thượng: vào chùa không cởi giầy. Hội Phật giáo thanh niên (YMBA) nhân việc đó phát động cuộc đấu tranh đòi chính phủ Anh phải trao quyền tự quyết cho người Myanmar (1917). Nhà sư U. Thilaxara giải thích con đường giải thoát của đạo Phật chính là con đường giải phóng dân tộc. Niết bàn chính là độc lập dân tộc. Đây là một hiện tượng mới, xa lạ với giáo lý Phật giáo khi người Myanmar chọn con đường khởi nghĩa vũ trang.

3- Thờ Nát theo quan niệm "vạn vật hữu linh". Mỗi làng ở Myanmar đều có Nát riêng để bảo vệ làng (như thờ Thành hoàng làng của người Việt). Có hai loại Nát thiện và ác mà người dân phải thờ để cầu xin được phù hộ hay đừng quấy phá. Ở Myanmar xưa kia khi xây dựng một ngôi chùa hay một đập nước người ta có tục lệ là hiến tế một người để biến người đó thành Nát bảo vệ công trình kiến trúc.